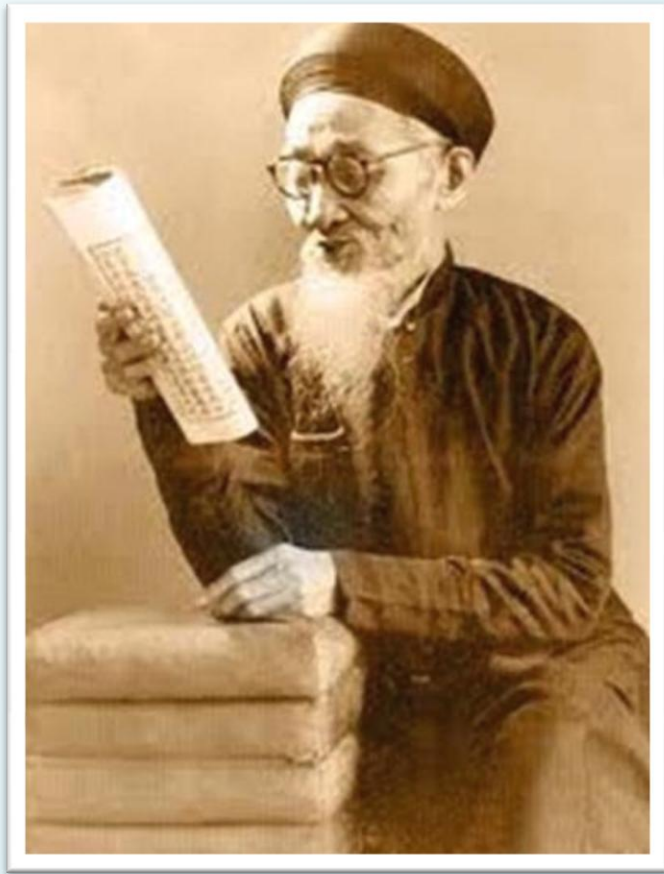




Thơ Nguyễn Khuyến – Tập 2

Nguyễn Khuyến (1835-1909) tên thật là Nguyễn Thắng, hiệu Quế Sơn, tự Miến Chi, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1835 tại quê ngoại làng Văn Khê, xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Quê nội của ông là làng Và, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Mất ngày 5 tháng 2 năm 1909 tại Yên Đỗ.

Đây là trang danh sách liệt kê tuyển tập các tác phẩm, tập thơ và những bài thơ hay nhất của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Ông là người có phẩm chất trong sạch, mặc dù ra làm quan nhưng nổi tiếng là thanh liêm, chính trực. Ông cũng là người có tâm hồn rộng mở, giàu cảm xúc trước cuộc sống và gắn bó với thiên nhiên, vì đó mà thơ của ông nổi bật với những bài thơ tả cảnh làng quê, ông được mệnh danh là nhà thơ của mùa hè! Nguyễn Khuyến có hơn 200 bài thơ gồm chữ Hán và chữ Nôm, tuy nhiên, Ô Cửa Số Blog chỉ đăng tải 95 bài thơ chữ Nôm của ông.

Thơ Nguyễn Khuyến – Tập 2

Trong tập này có tất cả 44 bài thơ của thi sĩ Nguyễn Khuyến sau:

- 1- Lầy Tây
- 2- Lời Gái Góa
- 3- Lụt Chèo Thuyền Đi Chơi
- 4- Mậu Thân Tự Thọ
- 5- Mẹ Mốc
- 6- Mục Hạ Vô Nhân
- 7- Mừng Ông Nghè Mới Đỗ
- 8- Mừng Đốc Học Hà Nam
- 9- Mừng Con Dựng Được Nhà
- 10- Mua Quan Tài
- 11- Muốn Lấy Chồng
- 12- Ngán Đời
- 13- Nghe Hát Đêm Khuya
- 14- Nhân Sinh Thích Chí
- 15- Nhất Vợ, Nhì Giời
- 16- Nước Lụt Hà Nam
- 17- Nước Lụt Hỏi Thăm Bạn
- 18- Phú Ông Đồ Ngông
- 19- Phú Đắc
- 20- Tặng Đốc Học Hà Nam
- 21- Tặng Bà Hậu Cầm
- 22- Tặng Cô Đào Lựu
- 23- Tự Trào
- 24- Tổng Vịnh Kiều
- 25- Than Già
- 26- Than Nợ
- 27- Than Nghèo
- 28- Thầy Đồ Mặc Lừa Gái

- 29- *Thu Ấm*
- 30- *Thu Vịnh*
- 31- *Thu Điếu*
- 32- *Thơ Khuyên Học*
- 33- *Trọc Đầu*
- 34- *Trời Nói (I)*
- 35- *Trời Nói (II)*
- 36- *Về Hay Ở*
- 37- *Vịnh Lự*
- 38- *Vịnh Núi An Lão*
- 39- *Vịnh Phông Sành*
- 40- *Vịnh Sư*
- 41- *Vịnh Tiến Sĩ Giấy Kỳ 1*
- 42- *Vịnh Tiến Sĩ Giấy Kỳ 2*
- 43- *Văn Tế Ngạc Nhi*
- 44- *Khóc Dương Khuê*



Lấy Tây (Nguyễn Khuyển)

Con gái đời này, gái mới ngoan,
 Quyết lòng ầu chiến với Tây quan.
 Ba vuông phất phới cờ bay dọc
 Một bức tung hoành vẩy xấn ngang.
 Trời đất khéo thương chàng bạch quí
 Giang san riêng sướng ả hồng nhan
 Nghĩ càng thêm ngán trai thời loạn,
 Con gái đời nay, gái mới ngoan!

Lời Gái Goá (Nguyễn Khuyển)

Chàng chẳng biết gái này gái goá,
 Buồn nằm sông, sông cả áo cơm.
 Khéo thay cái mụ tá xơm.
 Dem chàng trẻ tuổi ép làm lúa đôi.
 Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
 Gái già này sức vóc được bao?
 Muốn sao, chiều chẳng được sao.
 Trước tuy sum họp, sau nào được lâu?
 Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc,
 Chẳng ngờ rằng đói rách hổ người;
 Vốn xưa cha mẹ dặn lời,
 Tư bôn lại phải kẻ cười người chê.
 Hỡi mụ hỡi, thương chi thương thế?
 Thương thì hay, nhưng kế chẳng hay.
 Thương thì gạo vãi cho vay,
 Lấy chồng thì gái goá này xin van!

Lục Chèo Thuyền Đi Chơi (Nguyễn Khuyển)

Nhác mắt trông ra nước trắng bong,
 Thuyền nan nhẹ nhẹ dạo chơi rong.
 Tay chèo hứng gió chim bay mỗi,
 Lưng mượn khung trăng cá vẫy vùng.
 Bèo nổi lênh đènh đâu nội sạch,
 Lúa chìm sâu thẳm cách đồng không.
 Ai ơi lo nghĩ làm chi nhọc,
 Quý Tị chơi tràn khỏi luống công.

Mậu Thân Tự Thọ (Nguyễn Khuyển)

Năm nay tớ đã bảy mươi tư,
 Rằng lão, rằng quan tớ cũng ừ.
 Lúc hứng, uống thêm dấm chén rượu,
 Khi buồn ngâm lão một câu thơ.
 Bạn già lớp trước nay còn mấy?
 Chuyện cũ mười phần chín chẳng như.
 Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,
 Thử xem trời mãi thế này ư?

Mẹ Mốc (Nguyễn Khuyển)

So danh giá ai bằng mẹ Mốc,
 Ngoài hình hài, gấm vóc, cũng thêm ra.
 Tắm hồng nhan đem bôi lấm xoá nhoà,
 Làm thế để cho qua mắt tục.
 Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc,
 Tâm trung thường thủ tự kiên kim
 Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
 Giữ son sắt êm đêm một tiết.

Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
 Mảnh gương trinh vằng vặc quyết không nhơ,
 Đắp tai ngánh mặt làm ngo,
 Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.
 Khôn em dễ bán đại này!

Mẹ Mốc là một người đàn bà điên ở thành Nam Định thời đó, vì chồng đi xa biệt tích, bà giả vờ điên dại và tự huỷ hoại nhan sắc để khỏi bị bọn người hay tán tỉnh, chọc ghẹo, nhằm thủ tiết với chồng.

Mục Hạ Vô Nhân (Nguyễn Khuyển)

Chúng anh đây mục hạ vô nhân
 Nghe em nhan sắc lòng xuân anh nào nùng.
 Dù em má phấn chỉ hồng
 Dừng đừng đừng anh chẳng thềm trông làm gì.
 Lấy anh, anh cho đi trước để làm vì
 Tay thì dặt dứ tay thì quàng vai
 Vén tay sờ chôn em ngồi,
 Em thì chẳng thấy, anh thời thở than.
 Bâng khuâng như mất lạng vàng,
 Cái sênh, cái trống, cái đàn ai mang?
 Ai ơi thương kẻ dở dang
 Miệng ca tay gảy khúc đàn tương tư.
 Chẳng yêu chẳng nể chẳng vì
 Cũng liều nhắm mắt bước đi cho đành.
 Một duyên hai nợ ba tình
 Chữ duyên chi vướng, mối tình ai mang?
 Kéo còn đi nhớ về thương.
 Kéo còn để mối tơ vương bên lòng.
 Đôi ta chút nghĩa đeo bông
 Dẫu mòn con mắt, tấm lòng dăm sai

Ngại ngừng những bước chông gai,
 Trần gian nhốn nhục nào ai biết gì.
 Chữ tình là chữ chi chi,
 Yêu nhau phải bảo đường đi lối về.
 Đôi ta đã trót lời thề,
 Gần xa dắt díu đi về có đôi.
 Đến đâu người đứng ta ngồi
 Khi đàn khi hát những người chung quanh.
 Tới nơi những chốn thị thành
 Đôi bên hàng phố đắp danh đón mời
 Đố ai biết chốn chợ Trời,
 Dẫu ta lên khoảng một người nàng Tiên.

Mừng Ông Nghè Mới Đỗ (Nguyễn Khuyến)

Anh mừng cho chú đỗ ông Nghè,
 Chẳng đỗ thì trời cũng chẳng nghe.
 Ân tứ dám đâu coi rẻ rúng,
 Vinh quy ắt hẳn rước từng xòe.
 Rượu ngon ả nọ khôn đường tránh,
 Hoãn đẹp nàng này khó nhẽ che.
 Hiên quý đến nay đà mới rõ,
 Rõ từ những lúc tổng chưa đe.

Mừng Đốc Học Hà Nam (Nguyễn Khuyến)

Ông làm đốc học bấy lâu nay,
 Gần đó mà tôi vẫn chưa hay.
 Tóc bạc răng long chày đã cạy,
 Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy.
 Học trò kẻ chợ trầu dăm miếng,

Khảo khoá ngày xưa quyền một chầy.
Bổng lộc như ông không mấy nhỉ?
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương Tây.

Mừng Con Dựng Được Nhà (Nguyễn Khuyến)

Nghĩ ta, ta cũng sương ru mà,
Mừng thấy con ta dựng được nhà
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,
Cổ phe ngôi đã chốc bàn ba.
Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu dốc,
Chữ “dại” đâu năm xô túi ra.
Một khóm thủy tiên năm bảy cụm,
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.

Mua Quan Tài (Nguyễn Khuyến)

Ba vua bốn chúa bảy thằng con,
Thấm thoát xuân thu bảy chục tròn.
On nước chưa đền danh cũng hổ,
Quan tài sẵn có chết thì chôn.
Giang hồ lang miếu trời đôi ngả,
Bị gậy cân đai đất một hòn.
Cũng muốn sống thêm mười tuổi nữa,
Sợ ông Bành Tổ tổng đông môn.

Muốn Lấy Chồng (Nguyễn Khuyến)

Bực gì bằng gái trực phòng không?
Tơ tưởng vì chung một tấm chồng.
Trên gác rồng mây ngao ngán đợi,

Bên trời cá nước ngân ngơ trông.
 Mua vui, lắm lúc cười cười gượng,
 Giả dại, nhiều khi nói nói bông.
 Mới biết có chồng như có cánh,
 Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lông.

Ngán Đời (Nguyễn Khuyển)

Nghĩ đời mà cũng ngán cho đời
 Câu cóp làm sao được với trời?
 Chép miệng, lớn đâu to cái dại
 Phờ râu, chịu đấm mất phần xôi
 Được, thua, hơn, kém, lưng hồ rượu
 Hay, dở, khen, chê, một trận cười
 Dựa gôi bên song toan hoá bướm
 Gió thu lạnh lẽo, lá vô tình rơi

Nghe Hát Đêm Khuya (Nguyễn Khuyển)

Một khúc đêm khuya tiếng đã chầy,
 Nửa chén mặt nước, nửa từng mây.
 Nghĩ mình vườn cũ vừa lui bước,
 Ngán kẻ phương trời chẳng dứt dây.
 Bẻ liễu thành Đài thoi cũng xếp,
 Trồng lan ngõ tối ngát nào hay ?
 Từ xưa mặt ngọc ai là chẳng,
 Chén rượu bên đèn luống tỉnh say.

Nhân Sinh Thích Chí (Nguyễn Khuyến)

Nhân sinh ba vạn sáu nghìn ngày,
 Thích chí cho nên lắm ngón hay;
 Thơ Lý ngâm nga khi mở quyển,
 Đàn Nha tình tính lúc lân dây.
 Đem cò vua Thích vui bè bạn,
 Mượn chén ông Lưu học tỉnh say.
 Bốn cảnh phong quang cùng tuổi nguyệt,
 Dưới đời tri kỷ mấy mươi tay?

Nhất Vợ, Nhì Giời (Nguyễn Khuyến)

Nghĩ truyện trần gian cũng nực cười!
 Giời nào hơn vợ, vợ hơn giời?
 Khôn đến mẹ mày là có một,
 Khéo như con tạo cũng thời hai.
 Giời dẫu yêu vì, nhưng có phận,
 Vợ mà vụng dại, đểch ăn ai.
 Có sao vợ lại hơn giời nhỉ?
 Vợ chỉ hơn giời có cái trai!

Nước Lụt Hà Nam (Nguyễn Khuyến)

Quai Mễ Thanh Liêm đã lở rồi,
 Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi
 Gạo dăm ba bát cơ còn kém,
 Thuế một vài nguyên đáng vẫn đòi.
 Tiếng sáo vo ve chiêu nước vọng.
 Chiếc thuyền len lỏi bóng trắng trôi.
 Đi đâu cũng thấy người ta nói,
 Mười chín năm nay lại cát bồi.

Năm Canh Dần 1890, mưa lụt gây ra nạn đói kém ở vùng Hà Nam, Nam Định.

Nước Lụt Hỏi Thăm Bạn (Nguyễn Khuyến)

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu,
 Lụt lội năm nay bác ở đâu?
 Mấy ổ lợn con rày lớn, bé?
 Vài gian nếp cái ngập nông, sâu?
 Phận thua, suy tính càng thêm thiệt,
 Tuổi cả, chơi bời hoạ sống lâu.
 Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
 Thung thăng chiếc lá, rượu lưng bầu.

Phú Ông Đồ Ngông (Nguyễn Khuyến)

Bốn cồng kê giường;
 Vài chồng cặp sách.
 Cơm trắng canh ngon;
 Ghế cao chiếu sạch.
 Chữ thánh phù;
 Câu thiên tích.
 Chậu thau rửa mặt, tâm vào tâm vênh;
 Điều sớ long đờm, cóc ca cóc cách.
 Thần Câu Cậy xôi gà tùy thích, ông đã nên ông;
 Bụt Nam Sơn oản tẻ chẳng từ, khách thời mặc khách.

Nguyên phù thầy đồ dã giả:
 Râu ria nhắn nhui;
 Mặt mũi ngông nghênh.
 Văn pha “Nguyên mặc”;
 Sách học “Quan hành”.
 Chạy gạo chạy tiền, thất điên bát đảo;

Làm gà làm vịt, tứ đốm tam khoanh.
 Số tử vi tuần triệt đương đầu, qua vòng vận hạn;
 Đất văn học thần đồng phụ nữ, may bước công danh.

Nhiên nhi:

Mình lính tính quan;
 Khôn nhà đại chợ.
 Chơi đã hay ranh;
 Cạnh còn mắc hớ.

Vài khoa thi hồng xột ruột tiền cơm;
 Mấy tháng công non, bấm gan thóc nợ.
 Vách ông Khổng còn hòm khoa đầu, mở một vài con;
 Ngõ thầy Nhan treo túi đan biểu, bảo dăm ba đĩa.
 Nón sơn úp ngực, đi liễu đi liều;
 Bút thuỷ cài tai, sồn sớ sồn sở.
 Nghĩ sến nhà ra thất nghiệp, cũng bật như cười;
 E nằm mát ăn bát đây, ai nuôi không hờ?

Rằng:

Tôi nhà chủ, xin rước thầy ngồi.
 Trầu nước đoạn, rượu chè rồi;
 Bàn tiên đốn;
 Tính cơm nuôi.
 Chủ rằng đạo thánh là đạo rộng;
 Thầy rằng tuy ông còn tùy tôi!
 Mặt chữ điền vác hảnh lên trên, nết đâu có nết!
 Chiêu hàm trượng vắt ngay ngồi giữa, ngôi đã nên ngôi.
 Thầy đồ thầy lễ;
 Học trò học troet!
 Nghịch như ma;
 Đánh như két.
 Bộ Sử đâu ;
 Pho Dương tiết.

Mẹo hỏi lục kỳ;
 Bài ra tam kiệt.
 “Đô đô bình trượng ngã;
 Thiết thiết phản nhân thiết.”
 Chữ tứ thể lắm vài bốn lồi, nét cứ như đanh;
 Sách thập khoa quên đủ mười bài, văn tro như thép.
 Mô, tê, răng, rứa;
 Giả, dã, chi, hồ.
 Hoặc cầm roi nhi quát tháo;
 Hoặc nghe sách nhi gật gù.
 “Sừ tiên ban, sừ tiên cung”, bắt khoan bắt nhặt;
 “Tiên diệc tặc, hậu diệc tặc”, tiếng nhỏ tiếng to.
 Nước chè tàu uống một vài hơi, mặt cán tàn chi thẳng;
 Thuốc lá tỉnh hút dăm ba điếu, đầu tán lọng chi rù.

Dĩ nhi:
 Xem sách xem văn;
 Chấm bài chấm đối.
 Lên mặt thầy, số tựa băm bầu;
 Bưng mắt chủ, khuyên như lời tói.
 Hạ bút xuống tô tô đậm đậm, mực trát đen sì;
 Giở bài ra đọc đọc ngâm ngâm, son hoà đỏ chói.
 Lương nguyệt đồn lại nài nhất đệ, bàn mỏng bàn dày;
 Tiên hương khoa toan bố đồng môn, thu chầy thu cối.

Dĩ nhi:
 Khăn bỏ đầu riu;
 Quần xoay lá toạ.
 Ôm bụng nằm mèo;
 Nhe răng nói quạ.
 Cầm quyển sách ngủ gà ngủ gật, đầu canh hai đã chực đi nằm;
 Ra tiệc ngồi mắt trước mắt sau, cổ bàn nhất lại toan đánh cả.

*Cổ cò ngóng gái, “phụng thỉnh như lai”;
Tay vệt vẽ bùa, “phó lô thiêu hoá”.*

Cũng có lúc:

Việc làng việc họ;

Về cửa về nhà.

Bàn giang đờm;

Tính trừ trà.

Thầy nài năm thêm dăm tiền nữa;

Chủ kèo cò đưa mấy đồng ra.

Ruột tượng thất lưng, nguyên đồ khổ rận;

Khăn tay giặt rồn, rặt giống cau già.

Cực nổi người mặt nước chân mây, miếng cơm chênh mảng;

Giở truyện chủ đầu cua tai muỗi, chén rượu khề khà.

Diệc hoặc:

Nhân khi nghỉ mát;

Nhẹ bước thanh nhàn.

Ả cuối ả đầu chi loại;

Tổ tôm tổ tép chi gian.

Bạch định, thập hồng, chèo đò Phó Duyệt;

Xuyên tâm, thượng mã, nổi trống Hà Nam.

Toét mắt được gì, đã lò đờ như mất khổ;

Cúi đầu về thẳng, diệc đứng đỉnh như tựa trường.

Đánh trống qua cửa nhà sấm;

Đem chuông đi dẫm nước người.

Gắt như con khỉ;

Cười ngỗ đời ươi.

Rượu bí cung thang, múa ba hoa chi mép;

Văn gàn bát sách, rung chữ ngũ chi đùi.

Tốt vậy thay!

Vị nghiêm hương sư;

Quyền long giáo dưỡng.
 Dở lính dở quan;
 Vừa thầy vừa tráng.
 Ba chìm bảy nổi, nông đại nông càn;
 Chín giận mười lành, nhón nhơ nhón nhác.
 Chữ nghĩa sau;
 Công nghĩa trước.
 Há phải rằng là...;
 Thôi thì bất nhọc!

Gạt nước mắt khóc thầm cùng vũ trụ;
 Trách trời xanh bạn với bút nghiên chi?
 Hở hàm răng cười vụng với giang san;
 Dem mặt trắng vầy vùng son phấn nước!
 Nỡ trù công:
 Nhất nhị như tam hề, thường tân nguyên đán;
 Nhị tứ như bát hề, y phục công dung.
 Thầy cậy khôn, một ly một tính;
 Chủ sợ tốn, ba cọc ba đồng.
 Vỡng đào khiêng chằm đất chi lưng, thực đài chứa chú?
 Rượu cúc toét cù lì chi miệng, sao láo với ông?

Rõ ràng quốc sĩ;
 Thực đấng anh hùng.
 Phù khởi tích nhật chi đi dạy, học giả;
 Diệc bất quá nhất anh đồ nông, dã tai.
 Viên tòng nhi ca chi viết:
 Ê thầy đồ chi hữu tác hề.
 Khương chữ tốt nhi văn hay,
 Truyện Thuý Kiều kỳ đọc ngược hề,
 Kinh Tam tự kỳ biết ngay!
 Thi nhân chính ư khuyên điểm hề,

Chấn thiên oai ư roi mây.
 Ký lễ sinh chi phát nhược hề,
 Thành kỳ mục chi nan tây.
 Hễ nhà chủ chi có nuôi hề
 Tắc ngất ngưỡng nhi vi thầy.
 Hễ nhà chủ chi... đểch nuôi hề,
 Rồi ông xem hộ chúng bay!...

Khi còn hàn vi, Nguyễn Khuyến có mở trường dạy học. Thấy có nhiều người ngang nhiên đứng ra làm thầy đồ, mà học vẫn tâm thường, tính khí lại ngông nghênh, ông làm bài phú này để chế giễu.

Phú Đắc (Nguyễn Khuyến)

Bà già đã bảy mươi tư,
 Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng.
 Đã trót sinh ra kiếp má đào,
 Bảy mươi tư tuổi có là bao?
 Xuân xanh xấp xỉ hàng răng rụng,
 Ngày vắng ân cần mảnh giấy trao.
 Chữ nhất nhi chung đành đã vậy,
 Câu tam bất hiếu nữa làm sao?
 May mà chim được ông chồng trẻ,
 Họa có sinh ra được chút nào?
 (Phú đắc là lối trình bày sự việc cụ thể.)

Tặng Đốc Học Hà Nam (Nguyễn Khuyến)

Ai rằng ông đại với ông điền,
 Ông đại sao ông biết lấy tiên?

Cây cái bảng vàng treo nhị giáp,
Khoét thủng mặt trắng lấy tam nguyên
Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ,
Phép nước xin chừa móng lợn đen
Chỉ cốt túi mình cho nặng chắt,
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

Tặng Bà Hậu Cẩm (Nguyễn Khuyến)

Nghĩ xem đẹp nhất ở làng Và,
Tiếc gọi rằng già cũng chữa già
Làn sóng liếc ngang đôi mắt phượng
Tóc mây rủ xuống một đuôi gà.
Nói năng duyên dáng coi như thể...
Đi đứng khoan thai thế cũng là...
Nghe nói muốn thôi, thôi chữa được,
Được làm dơ dở đã thôi a?

(Theo tài liệu của cụ Nguyễn Khắc Thanh và ông Bùi Văn Cường)

Bà Hậu Cẩm: tên thực là Lã Thị Thoan, trước lấy ông Nhiêu Sinh, ông Sinh chết, bà Thoan còn trẻ lại có nhan sắc, đi lấy một tên Tây cầm ở Nam Định. Bà ta có làm chân thu thuế trong làng một thời gian rồi xin thôi.

Tặng Cô Đào Lựu (Nguyễn Khuyến)

Ngày xưa Lựu muốn lấy ông,
Ông chê Lựu bé, Lựu không biết gì.
Bây giờ Lựu đã đến thời,
Ông muốn lấy Lựu, Lựu chê ông già
Ông già ông khác người ta,
Nhưng cái nhi nhất, ông ma bằng mười.

Tự Trào (Nguyễn Khuyến)

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
 Chẳng gầy, chẳng béo chỉ làng nhàng,
 Cờ đương dở cuộc không còn nước,
 Bạc chứa trâu canh đã chạy làng.
 Mở miệng nói ra gàn bát sách,
 Mềm môi chén mãi títt cung thang.
 Nghĩ mình lại góm cho mình nhĩ,
 Thế cũng bia xanh, cũng bả vàng.

Tổng Vịnh Kiều (Nguyễn Khuyến)

Kiều nhi giấc mộng khéo như cười,
 Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi,
 Số kiếp bởi đâu mà lận đận?
 Sắc tài cho lắm cũng lồi thoi!
 Cành hoa vườn thúy duyên còn bén,
 Giọt nước sông Tiên nợ chứa xuôi.
 Chẳng trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
 Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi.

Than Già (Nguyễn Khuyến)

Tháng ngày thấm thoát tựa chim bay,
 Ông gẫm mình ông, nghĩ cũng hay.
 Mái tóc chòm xanh, chòm lốm đốm,
 Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung lay.
 Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ
 Khấp khểnh ba chân dở tỉnh say
 Còn một nỗi này thêm chán ngắt,
 Đi đâu giờ những côi cùng chày.

Than Nợ (Nguyễn Khuyến)

Quản chi công nợ có là bao!
 Nay đã nên to đến thế nào?
 Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi,
 Chục năm chục bảy tính nhiều sao?
 Ra đường kẻ cả dừng chân hỏi,
 Vào cửa người sang giữa mặt chào.
 Quyết chí phen này trang trải sạch,
 Cho đời rõ mặt cái thằng tao.

Than Nghèo (Nguyễn Khuyến)

Chẳng khôn cũng biết một hai điều
 Chẳng tội gì hơn cái tội nghèo.
 Danh giá đường này không nhẽ bán,
 Nhân duyên đến thế hãy còn theo.
 Tấm lòng nhi nữ không là mấy,
 Bực chí anh hùng lúc túng tiêu.
 Có lẽ phong trần đâu thế mãi,
 Chốn này tình phụ, chốn kia yêu.

Thầy Đồ Mặc Lừa Gái (Nguyễn Khuyến)

Nắng mưa lân lữa tháng ngày,
 Cô tiêu đã lắm thầy vay cũng nhiều.
 Yêu người, người lại chẳng yêu,
 Chiêu hoa, hoa lại chẳng chiêu mới căm.
 Có đêm thanh vắng bóng hăng,
 Thầy đương dở chén cô băng vội nằm,
 Trời mưa dở trống canh năm,
 Vớ đôi áo mỏng với dăm áo dày.

*Thầy đương dở giấc nào hay,
Tỉnh ra cô đã bỏ thầy cô đi...*

Thu Âm (Nguyễn Khuyến)

*Năm gian nhà cỏ thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe.
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy.
Độ năm ba chén đã say nhè.*

Thu Vịnh (Nguyễn Khuyến)

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

Thu Điều (Nguyễn Khuyến)

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
 Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
 Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
 Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
 Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
 Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
 Tựa gối, buông cần lâu chẳng được,
 Cá đâuớp động dưới chân bèo.

Thơ Khuyến Học (Nguyễn Khuyến)

Đen thì gần mực, đỏ gần son,
 Học lấy cho hay, con hời con!
 Cái bút, cái nghiên là của quý,
 Câu kinh, câu sử, ấy mùi ngon!
 Vàng mua chứa để, vàng hay hết,
 Chữ bán dư ăn, chữ hầy còn.
 Nhờ Phật một mai nên đấng cả,
 Bỏ công cha mẹ mới là khôn.

Trọc Đầu (Nguyễn Khuyến)

Trái gió, dầm mưa đã lấm rồi,
 Phen này cắt tóc để làm tôi.
 Tron tru chẳng có còn ai cứ
 Lông lốc tha hồ để mẹ bôi
 Cái lược từ đây khôn lồi gỡ,
 Con đen thôi hẳn hết đường chui;
 Cũng toan rấp tiếng làm sư cụ,
 Nghĩ lại, song mà chữa chính ngôi.

Trời Nói I (Nguyễn Khuyến)

Chót vót trên này có một tao!
 Nào tao có muốn nói đâu nào!
 Đa tao xanh ngắt, pha đen trắng,
 Chỉ tại dì Oa vá váy vào!

Tác giả làm bài này khi đang làm gia sư cho Hoàng Cao Khải. Nhân con thứ hai là Hoàng Mạnh Trí vừa đỗ tú tài tây ở Pháp về, Hoàng Cao Khải làm tiệc mừng, mời nhiều nhà khoa bảng đến dự. Trong tiệc lấy đâu đề “Thiên hà ngôn tại!” (Trời có nói gì đâu! – chữ trong Luận ngữ) bảo các nhà khoa bảng làm thơ cho vui. Người thì nịnh bợ, người thì mỉa mai kín đáo, chỉ có Nguyễn Khuyến được mời ngồi ở hàng cao nhất, vẫn ngồi im lặng. Hoàng Cao Khải giục mãi, Nguyễn Khuyến mới đọc bài thơ này, tỏ ý khinh mạn.

Trời Nói II (Nguyễn Khuyến)

Cao cao muôn trượng ấy là tao,
 Dẫu pháo thăng thiên chẳng tới nào.
 Nhấn nhủ dưới trần cho chúng biết,
 Tháng ba, tháng tám tố mưa dào.

Về Hay Ở (Nguyễn Khuyến)

Văng vẳng tai nghe tiếng chích chòe
 Lặng đi kéo động khách lòng quê.
 Nước non có tớ càng vui vẻ,
 Hoa nguyệt nào ai đã đắm mê?
 Quyên đã gọi hè quang quác quác,
 Gáy từng gáy sáng tẻ tẻ te.
 Lại còn giục già về hay ở?
 Đôi gót phong trần vẫn khỏe khoe.

Vịnh Lựt (Nguyễn Khuyến)

Ty trước Ty này chục lẻ ba,
 Thuận dòng nước cũ lại bao la.
 Bóng thuyền thấp thoáng giong trên vách,
 Tiếng sóng long bong vỗ trước nhà.
 Bắc bậc người còn chờ chúa đến,
 Đóng bè ta phải rước vua ra.
 Sửa sang việc nước cho yên ổn,
 Trời đã sinh ta ắt có ta.

Vịnh Núi An Lão (Nguyễn Khuyến)

Mặt nước mênh mông nổi một hòn,
 Núi già nhưng tiếng vẫn còn non,
 Mảnh cây thưa thớt đâu như trọc,
 Ghềnh đá long lanh ngấn chứa mồn.
 Một lá về đâu xa thăm thẳm,
 Nghìn nhà trông xuống bé con con.
 Dầu già đã hẳn hơn ta chưa?
 Chống gậy lên cao gối chẳng chồn!

Vịnh Phổng Sành (Nguyễn Khuyến)

Ông đứng làm chi đó hơi ông?
 Trơ trơ như đá vững như đồng.
 Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?
 Non nước đây vui có biết không?

Vịnh Sư (Nguyễn Khuyển)

Đầu trọc lóc bình vôi,
Nhảy tót lên chùa ngời.
I a kinh một bộ,
Lóc cóc mõ ba hồi.
Cơm chẳng cần cá thịt,
Ăn rất oản, chuôi, xôi.
Không biết câu tình dục,
Đành chịu tiếng mồi côi.

Vịnh Tiến Sĩ Giấy Kỳ 1 (Nguyễn Khuyển)

Khéo chú hoa man khéo vẽ trò,
Bõn ông mà lại dứ thằng cu.
Mày râu vẽ mặt vang trong nước,
Giấy má nhà bay đáng mấy xu?
Bán tiếng, mua danh, thầy lũ trẻ,
Bảng vàng, bia đá, vẫn nghìn thu.
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

Vịnh Tiến Sĩ Giấy Kỳ 2 (Nguyễn Khuyển)

Cũng cò, cũng biển, cũng cân đai.
Cũng gọi ông nghề có kém ai.
Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,
Nét son điểm rõ mặt văn khôi.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?
Cái giá khoa danh thế mới hời!
Ghế tréo, lọng xanh ngồi bảnh chọe,
Nghĩ rằng đồ thật hoá đồ chơi!

Văn Tế Ngạc Nhi (Nguyễn Khuyến)

Than ôi!

Một phút sa cơ, ra người thiên cổ.

Nhớ ông xưa:

Cái mắt ông xanh, cái da ông đỏ.

Cái tóc ông quăn, cái mũi ông lõ.

Đít ông cười lừa, miệng ông huýt chó.

Ông đeo súng lục liên, ông đi giày có mỏ.

Ông ở bên Tây, ông sang bảo hộ.

Ông đẹp Cờ Đen, để yên con đỏ.

Nào ngờ:

Nó bắt được ông, nó chặt mất sỏ.

Cái đầu ông kia, cái mình ông đó.

Khốn khổ thân ông, dù mẹ cha nó.

Tôi:

Vâng lệnh quan trên, cúng ông một cỗ.

Này chuôi một buồng, này rượu một hũ.

Này xôi một mâm, này trứng một rổ.

Ông có linh thiêng, mời ông xơi hộ.

Ăn uống no say, nằm cho yên chỗ.

Ới ông Ngạc Nhi ơi! Nói càng thêm khổ!

Năm 1873, sau khi Francis Garnier (Ngạc Nhi) bị quân Cờ Đen giết, triều đình nghị hoà với Pháp, các quan ta ở Hà Nội muốn tạo một hoàn cảnh thuận tiện cho việc giải hoà, bèn tổ chức lễ truy điệu viên sĩ quan Pháp tử trận. Được tổng đốc Hà Nội là Trần Đình Túc cử, Yên Đổ làm bài văn tế này. Lời văn rất mực trào lộng như miệng cười với đít (đít cười lừa, miệng huýt chó). Bài văn tế này các quan không cho đọc, chỉ được phổ biến bằng khẩu truyền.

Có bản chép khác như sau:

Nhớ ông xưa:

Tóc ông quăn; Mũi ông lõ.

Ông ở bên Tây ngang tàng; Ông sang bên Nam bảo hộ.

Quan ông to, ông có lon vàng đeo tay; Công ông cao, ông có mề đay đeo cổ.

Mắt ông chiếu kính thiên lý, đít ông cười lửa; Vai ông đeo súng lục liên, miệng ông huýt chó.

Tháng ... ngày hai ... ông ở huyện Thụy Anh; Tháng ... ngày mồng ... ông sang Thiên Bình phủ.

Ông, định giết thằng Đen; Để yên con đỏ.

Nào ngờ:

Nó chém đầu ông đi; Nó bêu mình ông đó.

Khốn nạn thân ông; Đ... mẹ cha nó.

Nay tôi:

Vâng mệnh các quan; Tế ông một cỗ.

Xôi một mâm; Rượu một hũ.

Chuôi một buồng; Trúng một ổ.

Ông ăn cho no; Ông uống cho đủ.

Hồn ông lên Thiên đàng; Phách ông vào địa hộ.

Ông ơi là ông; Nói càng thêm hồ!

Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyển)

Dịch từ bài: Văn đông niên Vân Đình tiến sĩ Dương thượng thư:

Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,

Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;

Kính yêu từ trước đến sau,
 Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
 Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
 Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;
 Có khi tầng gác cheo leo,
 Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang;
 Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
 Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.
 Có khi bàn soạn câu văn,
 Biết bao đông bích, diễn phần trước sau.
 Buồi dương cứu cùng nhau hoạn nạn,
 Phận đấu thắng chẳng dám tham trời;
 Bác già, tôi cũng già rồi,
 Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
 Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
 Trước ba năm gặp bác một lần;
 Cầm tay hỏi hết xa gần,
 Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,
 Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
 Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
 Làm sao bác vội về ngay,
 Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
 Ai chẳng biết chán đời là phải,
 Vội vàng sao đã mãi lên tiên;
 Rượu ngon không có bạn hiền,
 Không mua không phải không tiền không mua.
 Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa;
 Giường kia treo những hững hờ,
 Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.
 Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,

*Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!*